

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên: <b>Trung tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật Thành phố Thủ Đức.</b></li><li>- Địa chỉ: Số 01 Tagore, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</li><li>- Số tài khoản: 7901246879 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Thủ Thiêm.</li><li>- Mã số thuế: 0318014082</li><li>- Điện thoại: (028) 3622 5774 fax: ____</li><li>- Email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có): htkthuduc.qldt@gmail.com.</li></ul>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>- Tên công trình: Bảo trì, sửa chữa tại trạm xử lý nước thải khu tái định cư 17,3ha, phường An Khánh năm 2025.</li><li>- Địa điểm: Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.</li></ul>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh và được xác định trong Bản vẽ số 1.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: Cụ thể ghi trong lệnh khởi công.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Cụ thể ghi trong lệnh khởi công.
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Ngày được ghi trong Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]; ...

<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: <i>Cụ thể khi trao hợp đồng.</i>
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>- Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>- Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ dự thầu, các văn bản, tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu;</li> <li>- Hồ sơ mời thầu và các tài liệu bổ sung hồ sơ mời thầu (nếu có);</li> <li>- Các tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>3%</b> giá hợp đồng.</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi nhà thầu đã thi công hoàn thành công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.</p> <p style="padding-left: 40px;">- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm <b>07</b> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: cho Nhà thầu là 07 ngày sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được bảo đảm bảo hành.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 3 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 7 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên

	quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ:_____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Xem chi tiết dự thảo hợp đồng.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu và các bảo hiểm khác thuộc trách nhiệm của Nhà thầu theo quy định.
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đối với thiết bị thời gian bảo hành tối thiểu bằng thời gian do nhà sản xuất công bố nhưng không thấp hơn 12 tháng.
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu được lựa chọn.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	Thời gian để tiến hành hòa giải: 60 ngày. Giải quyết tranh chấp: trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	- Ngày khởi công: Cụ thể khi có đủ điều kiện để khởi công công trình. - Ngày hoàn thành dự kiến: Cụ thể ghi trong lệnh khởi công.
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 02 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 02 ngày.

	- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 0 VND.
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BXD.
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT và Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật.</li> <li>+ Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình di chuyển máy móc, thiết bị tập kết về công trình và trong suốt quá trình thi công.</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số tiền tạm ứng: Không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (cụ thể trong quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng).</li> <li>+ Chứng từ để tạm ứng: Bảo lãnh tạm ứng theo quy định (nếu số tiền tạm ứng đến mức phải có bảo lãnh tạm ứng).</li> <li>+ Phương thức tạm ứng: Chuyển khoản.</li> </ul> <p>- Thời gian tạm ứng: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được bảo lãnh tạm ứng (nếu số tiền tạm ứng đến mức phải có bảo lãnh tạm ứng) của nhà thầu, thì Chủ đầu tư sẽ chuyển hồ sơ đến Kho bạc nhà nước để tạm ứng cho nhà thầu theo hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lần thanh toán: nhiều lần theo đợt nghiệm thu;</li> <li>- Thời hạn thanh toán: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Kho bạc nhà nước đề nghị thanh toán cho Nhà thầu 100% khối lượng nghiệm thu hoàn thành từng đợt và thu hồi tạm ứng theo mức thỏa thuận trong hợp đồng.</li> <li>- Chứng từ thanh toán: 6 bộ hồ sơ thanh toán gồm các tài liệu chủ yếu sau:</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;</li> <li>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có);</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành từng đợt.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: <i>được phép.</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5 % (trích lại bảo hành).
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh giá hợp đồng;</li> <li>- Điều chỉnh khối lượng hợp đồng;</li> <li>- Điều chỉnh thuế;</li> <li>- Điều chỉnh tiến độ và trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu không quá 50 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạt do vi phạm về chất lượng: Trường hợp Nhà thầu không đảm bảo chất lượng thi công không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, ngoài phần phải chịu bù đắp mọi tổn thất (bồi thường thiệt hại do sửa chữa lại, còn phải chịu phạt đến 12% giá trị khối lượng phần không đảm bảo chất lượng;</li> <li>- Phạt do vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng;</li> </ul> <p>+ Nếu nhà thầu chậm tiến độ do nguyên nhân chủ quan: Trong thời gian chậm 10 ngày đầu tiên, Nhà thầu bị phạt 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho 01 ngày chậm; sau thời gian chậm 10 ngày đầu tiên Nhà thầu sẽ bị phạt thêm 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>+ Ngoài mức phạt do vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu còn phải bồi thường chi phí giám sát kỹ thuật và chi phí quản lý cho những ngày vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng. Cách tính như sau:</p>

	<p>+ Tiền bồi thường chi phí giám sát = <math>(A \times \text{tỷ lệ \% tư vấn giám sát} \times \text{Số ngày chậm trễ})/B</math>.</p> <p>+ Tiền bồi thường chi phí Quản lý dự án = <math>(A \times \text{tỷ lệ \% QLDA} \times \text{số ngày chậm trễ})/B</math>; trong đó:</p> <p>A: giá trị phần khối lượng xây lắp vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>B: thời gian thi công khối lượng A theo tiến độ chi tiết ban đầu (đính kèm hợp đồng)</p> <p>c) Nhà thầu vi phạm do không hoàn thành đủ khối lượng, hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng thì phải làm lại cho đủ số lượng và đúng chất lượng;</p> <p>d) Tổng số tiền phạt do vi phạm chất lượng và tiến độ không vượt quá 12% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Phạt khi không thực hiện hợp đồng: Trong trường hợp sau 10 ngày liên tục từ ngày khởi công công trình, Nhà thầu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi kinh phí đã tạm ứng (nếu có), đồng thời nhà thầu bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: “Không áp dụng”.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: “không áp dụng”.
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: <i>sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.</i>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>hoàn thành bộ phận hoặc hạng mục công trình.</i>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: 455.000.000 VND (10%).
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.